

Bản án số: 03/2024/DS-PT

Ngày: 10 - 01 - 2024

“V/v tranh chấp đòi lại tài sản”,

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hồng Ánh

Các thẩm phán: - ông Tạ Duy Ước.

- ông Ngô Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Phan Hải - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: ông Lê Khắc Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2029, tại Hội trường xét xử số 4, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc: *“Tranh chấp đòi lại tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2023/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh bị ông Bùi Đại H1 là bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 146/2023/QĐ-PT ngày 18/12/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1939; địa chỉ: tổ 2, khu T 6, phường B, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. *Bị đơn:* ông Bùi Đại H1, sinh năm 1958; địa chỉ: tổ 4, khu T 3, phường B, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3. Người kháng cáo: ông Bùi Đại H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 25/3/2023, được bổ sung bằng các lời khai tiếp theo, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và ông Bùi Đại H1 có quan hệ quen biết nhau. Năm 2016 ông H1 có đặt vấn đề với bà: “em muốn mua một số vật liệu lắp đặt ăng ten truyền hình mặt đất, chị Hồng cho em vay 10.000.000 đồng?”. Vì không có tiền cho vay một lúc nên ngày 19/12/2016

bà có đưa cho ông H1 vay 5.000.000 đồng, ông H1 có tự tay viết giấy vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng như nội dung giấy vay tiền bà đã nộp cho Tòa án. Đến ngày 25/12/2016 bà cho ông H1 vay tiếp 4.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận không viết thêm giấy vay tiền mà ông H1 bảo bà viết thêm số tiền 4.000.000 đồng vào giấy vay tiền ngày 19/12/2016, nên bà tự viết thêm bằng bút mực xanh dòng chữ “25/12/2016 + 4.000.000 đồng, tổng số tiền 9.000.000 đồng”. Như vậy tổng số tiền ông H1 vay bà vào ngày 19/12/2016 và 25/12/2016 là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng). Hai bên thỏa thuận không viết lãi suất vào trong giấy vay tiền mà thỏa thuận bên ngoài mỗi tháng ông H1 trả bà 100.000 đồng tiền lãi của 9.000.000 đồng. Đến hạn phải thanh toán tiền ghi trong giấy vay tiền, ông H1 nói “em chưa có tiền trả chị, chị cho em vay tiếp số tiền 9.000.000 đồng em trả lãi hàng tháng cho chị như thỏa thuận”, bà đồng ý. Ngày 30/9/2022, bà yêu cầu ông H1 trả 9.000.000 đồng thì ông H1 hứa 1,5 tháng nữa sẽ trả. Ngày 16/11/2022, bà vào nhà ông H1 lấy tiền nhưng ông H1 không trả mà còn thách thức bà khởi kiện ra Tòa. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H1 trả bà tiền gốc đã vay là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) và tiền lãi chưa thanh toán từ ngày 01/7/2022 đến ngày 10/8/2023 là 13 tháng (100.000 đồng/tháng trên số tiền 9.000.000 đồng), thành tiền là 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng). Tổng số tiền ông H1 phải trả bà là 10.300.000 đồng (mười triệu ba trăm nghìn đồng).

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Đại H1 trình bày:

Năm 2016, bà H có nhận hàng của ông như đầu thu tivi truyền hình mặt đất, đầu đọc thẻ để bán lại. Bà H có ứng trước cho ông 5.000.000 đồng, ông có viết giấy vay tiền với nội dung vay bà H 5.000.000 đồng hạn 03 tháng sau trả. Đến hạn trả tiền ông yêu cầu bà H trả ông giấy vay tiền thì bà H nói không tìm thấy, “giấy ghi 03 tháng thì ai đòi lại hai lần mà chú lo”, ông cũng tin lời bà H. Nay bà H khởi kiện ông phải trả 9.000.000 đồng, ông H1 không đồng ý bởi lý do:

Về tiền gốc: khoản tiền 4.000.000 đồng ghi chèn vào giấy vay nợ là nguy tạo không phải chữ viết của ông; khoản tiền 5.000.000 đồng ông đã trả hết cho bà H từ 07 năm trước, đến nay ông không còn nợ bà H. Đồng thời bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu đối với vụ án vì thời hiệu khởi kiện của bà H đã hết, giấy vay tiền trên đã lập từ năm 2016 đến nay đã quá 3 năm đề nghị Tòa án xem xét về thời hiệu.

Về tiền lãi, ông không trả lãi cho bà H như bà H khai, do vậy bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện về lãi suất của nguyên đơn.

Tài liệu chứng cứ do bà H giao nộp là Bản chính “Giấy vay tiền” do ông H1 viết và ký xác nhận ngày 19/12/2016 có nội dung: ngày 19/12/2016 ông Bùi Đại H1 vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000 đồng, hẹn 3 tháng trả. Trên Giấy vay tiền có dòng chữ của bà H viết chèn vào với nội dung: 25-12-2016 + 4.000.000đ 25-12-2016 tổng số tiền là 9.000.000đ. Ngoài ra các đương sự không cung cấp được thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Với nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, đã tuyên:

Căn cứ các Điều 147, 227, 271, 273, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 155, 166, 429 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện “đòi tài sản” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với ông Bùi Đại H1 theo giấy vay tiền ngày 19/12/2016.

Buộc ông Bùi Đại H1 phải trả bà Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả trong trường hợp chậm thi hành án, về án phí, về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2023 ông Bùi Đại H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử phúc thẩm tuyên thời hiệu khởi kiện đã hết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên nội dung khởi kiện.

Bị đơn ông Bùi Đại H1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Giấy vay tiền ngày 19/12/2016 có ghi hẹn sau 3 tháng trả tiền. Điều 429 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ghi thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là 3 năm. Như vậy giấy vay tiền ngày 19/12/2016 đã 07 năm trước, không còn giá trị pháp lý.

Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa phúc thẩm có quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Đại H1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: kháng cáo của ông Bùi Đại H1 được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo trong phạm vi bản án sơ thẩm, nên hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của ông Bùi Đại H1, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 25/3/2023, được bổ sung bằng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ông H1 phải trả cho bà H tổng số tiền là 10.300.000đ, trong đó tiền gốc 9.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 01/7/2022 đến ngày 30/6/2023 là 1.300.000đ.

Ông H1 cho rằng Giấy vay tiền ngày 19/12/2016 có thời hạn vay là 03 tháng, theo quy định tại Điều 429 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện đã hết, ông H1 có yêu cầu áp dụng thời hiệu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng Bản án sơ thẩm xét xử căn cứ vào chứng cứ là Giấy vay tiền của nguyên đơn từ năm 2016 không còn giá trị pháp lý.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Giấy vay tiền ngày 19/12/2016 có thời hạn vay là 03 tháng, đến ngày 25/3/2023 bà H mới khởi kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, ông H1 có quan điểm đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu. Yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu của ông H1 đưa ra trước thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm ban hành bản án nên được chấp nhận. Bản án Sơ thẩm nhận định: *“thời hiệu khởi kiện của hợp đồng vay tài sản giữa ông H1 và bà H theo “giấy vay tiền” ngày 19/12/2016 đã quá 3 năm theo quy định tại điều 429 Bộ luật dân sự, là thời hiệu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng đã hết. Tuy nhiên bà H khởi kiện “đòi tài sản” đối với số tiền 09 triệu đồng tiền gốc là yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu theo quy định tại khoản 2 điều 155, điều 166 Bộ luật dân sự thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện”* là có căn cứ, đúng pháp luật.

Căn cứ nội dung Giấy vay tiền ngày 19/12/2016 đủ cơ sở xác định có sự việc ông Bùi Đại H1 vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000đ. Đối với số tiền 4.000.000đ bà H ghi chèn thêm vào không được ông H1 thừa nhận vì vậy không có căn cứ xác định ông H1 vay 4.000.000đ này.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông H1 khai đã trả cho bà H 5.000.000đ tiền vay nhưng không được bà H công nhận, ông H1 không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Bản án sơ thẩm buộc ông H1 phải có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền 5.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ông H1 cho rằng “*theo Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 giá trị khởi kiện là 03 năm. Tòa án thành phố Hạ Long xử dụng chứng cứ không còn giá trị pháp lý của nguyên đơn từ năm 2016*”, nhận thức như trên của ông H1 là không đúng với quy định của Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện Hợp đồng, không phải quy định về “*giá trị khởi kiện*” hay về “*giá trị pháp lý của chứng cứ*” như quan điểm của ông H1.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Kháng cáo của ông Bùi Đại H1 không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí phúc thẩm: kháng cáo của ông Bùi Đại H1 không được chấp nhận, nhưng do ông H1 là người cao tuổi và có quan điểm xin miễn án phí dân sự phúc thẩm, vì vậy xét cho ông H1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Đại H1.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 34/2023/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 155, Điều 166, Điều 429, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện “*đòi tài sản*” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với ông Bùi Đại H1 theo giấy vay tiền ngày 19/12/2016.

Buộc ông Bùi Đại H1 phải trả bà Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện “đòi tài sản” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về yêu cầu ông Bùi Đại H1 phải trả bà H số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. (Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015).

Về án phí:

Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Bùi Đại H1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Bùi Đại H1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000154 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ông H1 đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- TAND TP Hạ Long.
- VKSND tỉnh Quảng Ninh.
- THADS TP Hạ Long.
- Các đương sự.
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Ánh